

## **FTA VIỆT NAM – EU: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI XUẤT KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM SANG EU**

**TS. Lê Minh Tâm**

*Công ty cổ phần thực phẩm Trung Sơn*

**Ths. Dương Thanh Nhã**

*Văn phòng Ủy ban tỉnh Kiên Giang*

Liên minh Châu Âu (EU) không chỉ là thị trường lớn cho các mặt hàng xuất khẩu nói chung của Việt Nam, mà còn là thị trường tiêu thụ thủy sản lớn nhất của Việt Nam. Giữa Việt Nam và EU đã có quan hệ ngoại giao từ lâu, giữa hai bên đã ký kết Hiệp định khung về quan hệ hợp tác từ năm 1995 cùng nhiều hiệp định song phương và đa phương khác, và hiện hai bên đang đàm phán để đi đến ký kết Hiệp định Mậu dịch tự do Việt Nam – EU (FTA). Các mặt hàng thủy sản Việt Nam đã từng bước thâm nhập và tạo được chỗ đứng vững chắc trên thị trường EU nói chung và từng thành viên EU nói riêng, từ chỗ chỉ có một vài mặt hàng thủy sản thô sơ, chúng ta đã tạo được uy tín và sự ưa thích đối với người tiêu dùng EU ở hầu như mọi mặt hàng thủy sản chủ lực, với khối lượng và kim ngạch xuất khẩu ngày càng tăng. Do đó, FTA Việt Nam – EU có

hiệu lực sẽ có những tác động đến hoạt động xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang EU.

### **1. Thực trạng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU trong thời gian qua**

#### **1.1. Kim ngạch xuất khẩu hàng thủy sản Việt Nam sang EU**

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Thống kê Châu Âu (Eurostat) đến nay, EU luôn là thị trường xuất khẩu thủy sản số một của Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang EU ngày càng tăng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2002- 2012 là 17,58%<sup>1</sup>. Nếu năm 2002, Việt Nam xuất sang EU đạt 32.038 tấn thủy sản, trị giá 100,3 triệu Euro, thì đến năm 2012, con số này đã là 281.193 tấn, và đạt trị giá

<sup>1</sup> Tính toán của tác giả theo số liệu Eurostat, năm 2013.

841,73 triệu Euro, tăng hơn 8 lần cả về lượng và giá trị.

Năm 2009, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu nên kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đã giảm 5,7%<sup>2</sup>, và kim ngạch xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang EU cũng bị tác động tiêu cực, chỉ tăng có 1,35% so với năm 2008, và chỉ đạt kim ngạch 782,12 triệu Euro. Tuy nhiên, mức tăng trưởng xuất khẩu thủy sản sang thị trường EU vẫn khá quan trọng, nếu so sánh với kim ngạch xuất khẩu sang Mỹ và Nhật Bản với mức giảm lên tới 4,2% (sang Mỹ) và 8,5% (sang Nhật Bản). Sờ dĩ năm 2009 xuất khẩu thủy sản sang EU không sụt giảm nhiều như xuất khẩu sang Mỹ và Nhật Bản là do những nguyên nhân: *Thứ nhất*, kinh tế EU tuy đã rơi vào tình trạng suy thoái nhưng nhìn chung vẫn còn sáng sủa hơn so với Nhật Bản và Mỹ; *Thứ hai*, các doanh nghiệp Việt Nam đã chú trọng tới các hoạt động xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường tại châu Âu, tham gia nhiều hoạt động quảng bá, hội chợ triển lãm thủy sản. Nhờ vậy, đã có thêm 30 doanh nghiệp Việt Nam được EU công nhận được xuất khẩu thủy sản vào EU, nâng tổng số các doanh nghiệp được xuất khẩu thủy sản vào thị trường này lên 330 doanh nghiệp vào năm 2010 (năm 2009 là 300 doanh nghiệp)<sup>3</sup>.

Năm 2010, mặc dù thương mại EU đã có những dấu hiệu khởi sắc trở lại nhưng sự phục hồi vẫn còn mong manh, thậm chí các quốc gia EU đang phải đối mặt với những thách thức to lớn hơn đó là vấn đề nợ công và thất nghiệp. Cuộc khủng hoảng nợ công của Hy Lạp, thời gian này, có xu hướng ngày càng lan rộng sang các nền kinh tế EU. Đức và Pháp sẽ phải chia sẻ gánh nặng lớn từ gói cứu trợ cho những thành viên khó khăn trong cộng đồng, do vậy nguồn lực cho những chính sách tài khóa trong nước sẽ ít hơn. Cộng thêm tỉ giá đồng EUR và USD đã sụt giảm khá mạnh làm cho kim ngạch xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang EU tăng 9,55%, đạt sản lượng 354 ngàn tấn và kim ngạch 856,79 triệu Euro. Trong khi đó kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang Mỹ với mức tăng trưởng mạnh lên tới 36,19%, đạt kim ngạch 1,178 tỉ đôla (tương đương 899,56 triệu Euro); thị trường Hàn Quốc có mức tăng trưởng là 25,47%, đạt kim ngạch 477,58 triệu đôla (tương đương 364,57 triệu Euro); thị trường Nhật Bản có mức tăng trưởng là 18,35%, đạt kim ngạch 1,003 tỉ đôla (tương đương 766,38 triệu Euro).<sup>4</sup>

Năm 2011, EU đã quay trở lại vị trí dẫn đầu với 21,8% thị phần kim ngạch xuất khẩu thủy sản Việt Nam, đứng trước Hoa Kỳ 19,26% và Nhật Bản 16,41%.

<sup>2</sup> Theo Vasep, 2010.

<sup>3</sup> <http://safiqad.com>, 11/02/2010.

<sup>4</sup> Theo Vasep, năm 2011. Tác giả quy đổi theo tỉ giá EURO/USD = 1,31 theo nguồn Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại - Bộ Công Thương, <http://vinanet.vn>, cập nhật ngày 31-12-2010.

Năm 2012, chính sách siết chặt tín dụng tại các nước châu Âu đã tác động rất lớn đến xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang thị trường này. Năm 2012, dù EU là thị trường lớn thứ hai trong top 10 thị trường nhập khẩu thủy sản của Việt Nam, nhưng giá trị xuất khẩu của thủy sản nước ta sang thị trường này lại

khá ảm đạm khi chỉ đạt gần 841,7 triệu Euro, giảm 9,95% so với cùng kỳ năm ngoái. Nhiều dự báo cho thấy, xuất khẩu thủy sản sang EU trong năm 2013 tiếp tục không mấy sáng sủa bởi khủng hoảng nợ công ở châu Âu còn tiếp diễn.

**Bảng 1. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU**  
(giai đoạn 2002-2012)

Năm	Sản lượng (tấn)	Giá trị xuất khẩu	
		Kim ngạch (1.000 Euro)	Tốc độ tăng so với năm trước (%)*
2002	32.037,60	100.302,82	
2003	45.352,20	130.866,73	30,47%
2004	66.882,70	189.056,52	44,46%
2005	105.831,70	320.301,10	69,42%
2006	194.964,00	543.748,69	69,76%
2007	260.213,70	653.904,01	20,26%
2008	333.464,70	771.714,02	18,02%
2009	341.440,60	782.119,00	1,35%
2010	354.099,70	856.791,92	9,55%
2011	331.956,50	920.864,35	7,48%
2012	281.193,20	841.735,43	-9,95%

Nguồn: Eurostat, 2013.

Chú thích: (\*) Tính toán của tác giả.

Bảng 1.1 cho thấy, giai đoạn 2002-2007, sản lượng và giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU tăng đều qua các năm. Chẳng hạn năm 2007 giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang EU đạt 653,94 triệu Euro,

tăng 551,93% so với năm 2002. Trong giai đoạn 2002-2007, sản lượng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang EU tăng bình quân 52,99%/năm, còn giá trị thủy sản xuất khẩu tăng bình quân 44,14%/năm. Như vậy, rõ ràng là tốc độ tăng về sản lượng nhanh hơn

tốc độ tăng về giá trị, điều này chứng tỏ các sản phẩm xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU chưa chú trọng nhiều đến việc sản xuất các mặt hàng giá trị gia tăng cao. Về giá bình quân, hàng thủy sản xuất khẩu Việt Nam sang thị trường EU trong giai đoạn 2002-2007 có xu hướng giảm xuống, khoảng 4,12%/năm<sup>5</sup>.

Do Việt Nam chính thức gia nhập WTO năm 2007, WTO đưa ra các nguyên tắc nhằm khuyến khích phát triển và cải cách kinh tế ở các nước đang phát triển và các nền kinh tế chuyển đổi bằng cách dành cho những nước này những điều kiện đối xử đặc biệt và khác biệt để đảm bảo sự tham gia sâu rộng hơn của các nước này vào hệ thống thương mại của WTO. Nhờ có nguyên tắc này, Việt Nam được hỗ trợ nhiều về mặt kỹ thuật. Với công nghệ nuôi trồng và khai thác thủy sản mới và tiên tiến của EU, Việt Nam đã giảm thiểu được các nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và suy thoái nguồn lợi, tạo ra điểm mạnh trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Khi thủy sản bước vào sân chơi mới này, “thị trường và môi trường” luôn trở thành những vấn đề quan trọng và nổi lên như một trong những nhân tố quyết định đến hiệu quả sản xuất và xuất khẩu. Cũng dựa vào các cam kết gia nhập WTO, môi trường kinh doanh trong nước đã được cải thiện theo hướng thuận lợi và minh bạch hơn. Cùng với các chính sách khuyến khích đầu tư trong nước, các doanh

nh nghiệp có điều kiện học hỏi, đầu tư các thiết bị máy móc hiện đại hơn và đầu tư nâng cao tay nghề công nhân, nên trong giai đoạn 2008 – 2012, sản lượng và giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản bình quân của Việt Nam sang thị trường EU có tăng nhưng không cao. Năm 2012, xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang EU giảm mạnh cả về sản lượng và kim ngạch nên kéo theo mức tăng trưởng bình quân trong cả giai đoạn 2008-2012 về sản lượng và kim ngạch thấp. Trong giai đoạn 2008 – 2012, sản lượng và kim ngạch xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang EU tăng bình quân chỉ đạt 0,62%/năm về lượng và 4,56%/năm về kim ngạch. Điều này chứng tỏ các sản phẩm thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU đã được cải thiện theo hướng sản xuất ra các mặt hàng có giá trị gia tăng cao hơn (xuất khẩu với số lượng ít nhưng giá trị thu về được nhiều hơn). Đây là một tín hiệu đáng mừng, đánh dấu kết quả của sự phấn đấu không ngừng của ngành thủy sản trong hoạt động xúc tiến thương mại, đa dạng hóa sản phẩm, đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, vượt qua những rào cản kỹ thuật về vệ sinh an toàn thực phẩm. Giá xuất khẩu thủy sản bình quân của Việt Nam sang thị trường EU trong giai đoạn 2008-2012 có xu hướng tăng lên, với tốc độ khoảng 3,16%/năm<sup>6</sup>. Điều đó phản ánh những nỗ lực nhằm nâng cao giá trị gia tăng của các hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam bằng cách nâng cao năng suất lao

<sup>5</sup> Tính toán của tác giả theo số liệu Eurostat, năm 2012.

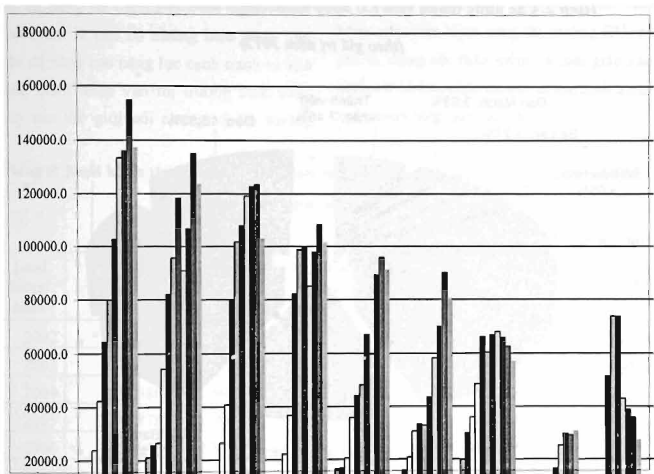
<sup>6</sup> Tính toán của tác giả theo số liệu Eurostat, năm 2012.

động, cải thiện chất lượng sản phẩm, cũng hơn được đưa vào xuất khẩu. như có nhiều mặt hàng thủy sản chế biến sâu

**Hình 1. Các nước thành viên EU nhập khẩu chính thủy sản của Việt Nam**

(giai đoạn năm 2002-2012)

Đơn vị: 1.000 Euro



Nguồn: Eurostat, năm 2013.

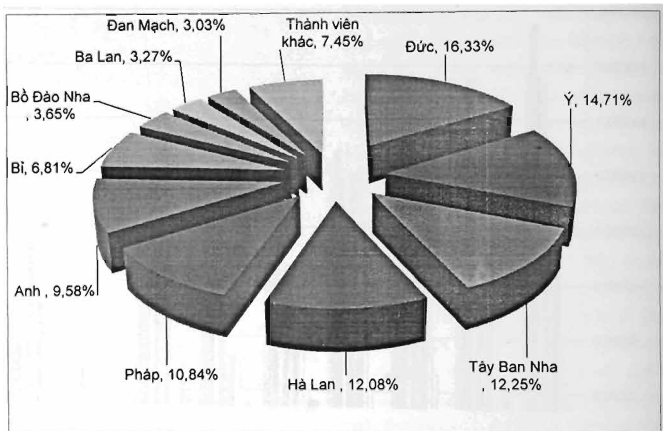
Hình 1 và hình 2 sẽ cho chúng ta thấy khá cụ thể những bạn hàng nhập khẩu thủy sản nhiều nhất từ Việt Nam ở EU trong hơn 10 năm qua. Tuy kim ngạch nhập khẩu và thứ hạng có thể thay đổi giữa các năm, song cho đến nay, Đức, Ý, Tây Ban Nha, Hà Lan, Pháp và Anh luôn nằm trong nhóm những nước EU nhập khẩu nhiều nhất thủy sản từ Việt Nam. Riêng năm 2012, Đức là nước

thành viên EU nhập khẩu lớn nhất thủy sản Việt Nam với 38,50 ngàn tấn, đạt giá trị 137,46 triệu Euro, giảm 12,6% về giá trị so với năm trước, chiếm 16,33% tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang EU; Ý là nước thành viên EU nhập khẩu lớn thứ hai thủy sản Việt Nam với 39,25 ngàn tấn, đạt giá trị 123,8 triệu Euro, giảm 9,16% về giá trị so với năm 2011, chiếm 14,71% giá trị xuất

khẩu của Việt Nam sang thị trường EU; Những con số tương ứng của Tây Ban Nha là 48,07 ngàn tấn, đạt giá trị 103,07 triệu Euro, giảm 19,9% về giá trị so với năm 2011, chiếm 12,25% giá trị xuất khẩu thủy sản của

Việt Nam sang thị trường EU; Còn phần của Hà Lan và Pháp trong giá trị xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang EU tương ứng là 12,08% và 10,84%.

**Hình 2. Các nước thành viên EU nhập khẩu chính thủy sản của Việt Nam (theo giá trị năm 2012)**



*Nguồn: Eurostat, năm 2013.*

Mặc dù xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang EU chiếm tới 18,51% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong năm 2012, song vẫn chỉ chiếm một tỉ lệ nhỏ (khoảng 4,46%)<sup>7</sup> trong tổng giá trị thủy sản nhập khẩu vào thị trường EU (trong khi đó Nauy. xuất khẩu sang EU

chiếm 21,22%/tổng giá trị nhập khẩu của EU, Trung Quốc là 8,53%/tổng giá trị nhập khẩu của EU và Aixolen là 4,86%/tổng giá trị nhập khẩu của EU)<sup>8</sup>. Nếu so với tiềm năng sản xuất và xuất khẩu thủy sản của Việt Nam, một thị phần nhỏ bé như vậy chưa thể hiện đúng vị thế của nước ta và

<sup>7</sup> Tính toán của tác giả theo số liệu Eurostat, năm 2013.

<sup>8</sup> Nt.

chưa cân xứng với quan hệ thương mại truyền thống Việt Nam-EU. Đồng thời, điều đó còn chứng tỏ thủy sản Việt Nam vẫn còn rất nhiều cơ hội để khai thác ở thị trường EU. Do đó, trong thời gian tới, nhiệm vụ to lớn và nặng nề đặt ra đối với ngành thủy sản Việt Nam là cần có những biện pháp hữu hiệu để nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng thâm nhập vào thị trường xuất khẩu thủy sản thế giới nói chung và thị trường

thủy sản EU cũng như từng nước EU nói riêng.

### 1.2. Cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang EU

Trong cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường EU, cá phi lê, động vật thân mềm và loài giáp xác chiếm tỉ lệ lớn nhất và sản lượng xuất khẩu ngày càng tăng qua các năm.

**Bảng 2. Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang EU theo nhóm sản phẩm theo mã HS<sup>9</sup>**  
(theo giá trị giai đoạn 2002-2012)

Đơn vị: 1.000 Euro

Loại hàng/năm	Cá tươi sống	Cá tươi và cá ướp lạnh	Cá đông lạnh trừ các loại cá phi lê đông lạnh	Cá phi lê hoặc thịt cá	Cá hun khói - khô - muối
2002	103.027	1.596.304	1.319.813	2.779.894	835.068
2003	92.045	1.565.822	1.113.844	2.560.484	765.732
2004	95.586	1.698.411	1.058.952	2.808.825	763.221
2005	99.878	1.995.201	1.156.390	3.285.352	801.748
2006	102.646	2.379.731	1.416.634	4.005.634	839.746
2007	106.892	2.344.082	1.460.238	4.263.526	927.259
2008	111.689	2.335.163	1.356.814	4.156.682	854.657
2009	96.365	2.511.908	1.196.420	4.004.338	693.768
2010	102.829	3.062.367	1.298.534	4.337.936	747.214
2011	94.015	2.958.935	1.498.914	4.655.279	828.646
2012	92.242	3.001.009	1.563.015	4.578.599	772.288

<sup>9</sup> Hệ thống hài hoà mô tả và mã hoá hàng hoá, viết tắt là HS.

Loại hàng/năm	Loài giáp xác (tôm cua)	Động vật thân mềm	Dầu cá	Cá chế biến hoặc cá bảo quản	Loài giáp xác, động vật thân mềm, động vật không xương sống khác (đã chế biến)
2002	2.216.419	1.310.778	95.201	1.635.911	655.724
2003	2.425.395	1.383.142	96.144	1.557.995	661.901
2004	2.210.212	1.344.707	106.868	763.221	763.221
2005	2.394.045	1.560.861	135.312	801.748	801.748
2006	2.791.296	1.668.466	166.294	1.842.169	786.069
2007	2.608.808	1.603.675	205.517	1.956.627	870.953
2008	2.533.660	1.594.347	249.966	2.251.751	953.862
2009	2.299.713	1.408.426	182.668	2.057.743	960.445
2010	2.716.330	1.748.027	193.105	2.060.144	1.078.142
2011	2.869.651	2.131.460	258.364	2.280.042	1.226.657
2012	2.642.064	1.884.306	379.571	2.725.329	1.220.565

Nguồn: Eurostat, năm 2013.

**Bảng 3. Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang EU theo nhóm sản phẩm theo mã HS (theo sản lượng giai đoạn 2002-2012)**

Loại hàng/năm	Cá tươi sống	Cá tươi và cá ướp lạnh	Cá đông lạnh trừ các loại cá phi lê đông lạnh	Cá phi lê hoặc thịt cá	Cá hun khói - khô - muối
2002	5.343	580.897	769.577	934.818	163.582
2003	5.059	627.234	708.621	907.929	161.390
2004	5.320	660.258	645.774	1.081.744	162.612
2005	5.510	688.039	638.141	1.133.044	165.430
2006	5.462	704.628	716.886	1.281.605	159.639
2007	6.083	735.286	692.807	1.362.092	164.997
2008	6.485	762.668	654.834	1.382.301	154.808
2009	5.299	807.234	661.254	1.355.380	155.285
2010	5.928	807.233	661.176	1.395.417	161.508
2011	5.240	766.586	697.822	1.407.181	167.154
2012	4.370	925.166	697.392	1.299.019	154.097

Loại hàng/năm	Loại giáp xác (tôm cua)	Động vật thân mềm	Dầu cá	Cá chế biến hoặc cá bảo quản	Loại giáp xác, động vật thân mềm, động vật không xương sống khác (đã chế biến)
2002	378.726	482.869	131.995	582.980	121.583
2003	445.218	523.902	146.876	622.525	141.011
2004	439.018	525.137	171.702	635.102	146.572
2005	469.101	582.435	189.367	686.790	159.400
2006	528.774	637.374	204.256	709.695	166.861
2007	536.325	612.614	240.201	706.424	189.688
2008	512.294	592.209	190.778	718.692	207.346
2009	511.932	550.825	246.771	676.396	203.025
2010	517.994	580.688	198.481	668.170	217.631
2011	514.135	568.479	219.636	672.696	231.409
2012	470.550	524.849	262.419	649.853	202.064

Nguồn: Eurostat, năm 2013.

Ghi chú: Các nhóm loại hàng (sản phẩm) được liệt kê trong bảng 3 và bảng 4 (dựa trên mã HS 4 số) theo thứ tự từ trái qua phải, từ 0301 đến 0307; 1504; 1604 và 1605 theo hệ thống hài hòa mô tả mã hoá hàng hoá.

Sản phẩm thủy sản có thể mạnh của Việt Nam là: cá phi lê hoặc thịt cá; loài giáp xác (tôm cua); động vật thân mềm (đã chế biến); động vật thân mềm (chưa chế biến).

Bảng 2 và bảng 3 cho thấy xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang EU có sự biến động lớn về cơ cấu trong giai đoạn 2002 – 2012. Các mặt hàng có thay đổi lớn về kim ngạch là động vật thân mềm, cá phi lê hoặc thịt cá, loài giáp xác (chưa qua chế biến). Nếu như năm 2002, kim ngạch xuất khẩu của động vật thân mềm có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang

thị trường EU, chiếm 23,71% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU, thì đến năm 2007 giảm còn 12,12% và năm 2012 chỉ còn 12,8%. Đối với cá phi lê hoặc thịt cá, năm 2002, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU chiếm 23,1% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU, nhưng đến năm 2007, đã tăng vọt lên 60,1% và đến năm 2012, lại giảm chỉ còn 48,39%. Đối với loài giáp xác (tôm cua, chưa qua chế biến), năm 2002, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường EU chiếm 19,2% tổng kim ngạch xuất khẩu

thủy sản của Việt Nam sang thị trường EU, đến năm 2007, giảm còn 12,8% và đến năm 2012 lại phục hồi trở lại với tỉ lệ 16,06%<sup>10</sup>

## 2. FTA Việt Nam – EU cơ hội và thách thức đối với xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang EU

### 2.1. Cơ hội và thách thức đối với xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang EU

Có thể nói, FTA Việt Nam - EU sẽ mang lại cho xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang EU những cơ hội chủ yếu sau đây:

*Thứ nhất:* Việt Nam có thể được tiếp cận với một thị trường tiêu thụ thủy sản khổng lồ. Với 27 nước thành viên, EU có tổng diện tích khoảng 4 triệu km<sup>2</sup>, dân số hơn 500 triệu người, GDP khoảng 13.000 tỉ USD (năm 2007), hầu hết đều là các nền kinh tế phát triển cao, bình quân thu nhập tính theo đầu người của các quốc gia EU khá cao so với thế giới, lại thích dùng các sản phẩm thủy sản trong nhu cầu ăn uống và bảo vệ sức khỏe do tính ưu việt của sản phẩm này là ngon, bổ. Hàng năm, nhu cầu thủy sản của EU đã đạt mức 22,03 kg/người, cao hơn 5,34 kg so với mức trung bình của thế giới (16,69 kg/người)<sup>11</sup>

EU cũng có biển, có điều kiện nuôi trồng thủy sản, song do vị trí địa lý và khí hậu khắc nghiệt (nhiều nước có mùa đông dài và rất lạnh, không thuận lợi cho việc nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản), nên EU

không thể tự đáp ứng được toàn bộ nhu cầu tiêu dùng thủy sản của họ. Nếu tính theo mức tiêu thụ 22,03 kg/người/năm, nhu cầu thủy sản EU sử dụng mỗi năm là 11.500 ngàn tấn. Trước đây EU đánh bắt và nuôi trồng hàng năm đạt sản lượng khoảng 6.500 ngàn tấn. Như vậy so với nhu cầu, EU còn phải nhập khẩu thêm 5.000 ngàn tấn và thực tế nhập khẩu của EU đã chứng thực điều này. Hai nước cung ứng thủy sản lớn nhất trong nội bộ Khối là Nauy và Aixolen đã không thể đáp ứng hết đơn hàng nhập khẩu thủy sản ngày càng tăng của các nước thành viên EU. Ví dụ, trong khi EU nhập khẩu tới 4.315 ngàn tấn năm 2010 và 4.220 ngàn tấn năm 2011, nhưng cả hai nước này chỉ đáp ứng được khoảng 1/3 nhu cầu. Chẳng hạn, năm 2010, Nauy cung cấp được 1.084 ngàn tấn và Aixolen là 242 ngàn tấn; Năm 2011, các con số tương ứng là 1.059 ngàn tấn và 234 ngàn tấn<sup>12</sup>. Do vậy, để đáp ứng ổn định và bền vững nhu cầu tiêu dùng của cả Khối, không có cách nào khác, EU phải nhập khẩu thủy sản từ các quốc gia ngoài Khối như châu Mỹ và châu Á, trong đó có Việt Nam.

Những năm gần đây, do nguồn lợi thủy sản của EU đã nằm dưới giới hạn an toàn sinh học, buộc EU phải áp dụng biện pháp hạn chế khai thác và đánh bắt thủy sản trong khi nhu cầu tiêu dùng thủy sản của EU vẫn tăng nhanh. Do vậy, về mặt lý thuyết cũng như thực tiễn có thể khẳng định, với Việt Nam, EU đang và còn lâu nữa vẫn sẽ là thị trường xuất khẩu thủy sản tiềm năng lớn nếu

<sup>10</sup> Tính toán của tác giả theo số liệu Eurostat, năm 2012.

<sup>11</sup> Eurostat, 20/06/2010.

<sup>12</sup> Eurostat, năm 2012.

sản phẩm thủy sản Việt Nam đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao về số lượng, chất lượng, chủng loại của thị trường của khối này.

*Thứ hai:* Nếu FTA giữa Việt Nam và EU được ký kết, mức cắt giảm thuế về 0% sẽ có được với ít nhất 90% số mặt hàng xuất khẩu sang thị trường này. EU hiện đã là thị trường tương đối mở với các mức thuế suất thấp đối với các sản phẩm nhập khẩu từ nước ngoài, mức thuế suất trung bình mà hàng hóa Việt Nam đang phải chịu tại EU là 4,1%. Nhưng thực tế, theo ti trọng thương mại giữa các nhóm sản phẩm, Việt Nam đang phải chịu mức thuế trung bình gia quyền vào EU lên tới 7%. Nhưng riêng mặt hàng thủy sản của Việt Nam xuất khẩu sang EU phải chịu mức thuế 10,8% (cao hơn thuế xuất bình quân gia quyền 3,8%). Việc xóa bỏ thuế quan đối với hầu hết các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang EU, trong đó có mặt hàng thủy sản, sẽ tạo lợi thế quan trọng cho Việt Nam khi cạnh tranh với các đối thủ khác trên thị trường EU.

*Thứ ba:* Việt Nam cũng sẽ được hưởng lợi xét từ góc độ nhập khẩu. Việc cắt giảm thuế nhập khẩu đối với các hàng hóa chiến lược của EU vào Việt Nam sẽ giúp nâng cao kỹ thuật của ngành công nghiệp và từ đó đẩy mạnh hiệu quả sản xuất và xuất khẩu. Điều này sẽ giúp Việt Nam có được những sản phẩm chất lượng cao với chi phí thấp hơn và có nhiều lựa chọn hơn đối với các nhà cung cấp trong đó có ngành thủy sản.

*Thứ tư:* Quan hệ giữa Việt Nam với EU, cũng như giữa các doanh nghiệp Việt Nam

với các doanh nghiệp EU, trong đó có các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản, ngày càng tốt đẹp. FTA Việt Nam - EU được ký kết nhằm tạo điều kiện thông thoáng cho sự trao đổi hàng hoá giữa hai bên. Trong điều kiện đó, các hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam cũng luôn được chú ý và tạo điều kiện.

*Thứ năm:* Việt Nam đã, đang và sẽ có nhiều chủ trương, chính sách và biện pháp cụ thể để hỗ trợ và ưu đãi cho các mặt hàng xuất khẩu, nhất là nông-lâm-thủy sản, nhằm nâng cao sức cạnh tranh của các mặt hàng này, duy trì và phát triển thị phần, trong đó các mặt hàng thủy sản xuất khẩu sang EU là một trong những mặt hàng được ưu đãi.

Từ những nhận định trên có thể khẳng định: FTA Việt Nam - EU tạo cơ hội đối với xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang EU. Tuy nhiên, bên cạnh cơ hội trên, thủy sản Việt Nam chắc chắn còn phải chịu nhiều thách thức cam go khi thâm nhập thị trường EU, trong đó đặc biệt là rào cản kỹ thuật thương mại sẽ đề cập ở dưới đây.

*Một là,* EU chủ yếu gồm các quốc gia phát triển có mức sống cao, nhu cầu tiêu dùng, trong đó đặc biệt là thực phẩm, đang thay đổi mạnh. Nhiều loại thức ăn, khi các nước đang và chậm phát triển vẫn tiêu thụ bình thường thì các nước phát triển như EU không ăn nữa, nên không có nhu cầu nhập khẩu. Hiện tại, ngành thủy sản Việt Nam đã đáp ứng khá tốt các yêu cầu rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT), quy định về vệ sinh dịch tễ và kiểm dịch vệ sinh động thực vật (SPS) của EU, tuy nhiên việc sửa đổi các qui

định của EU sẽ có thể áp dụng các quy định TBT và SPS mới đối với nguyên liệu thô hoặc các biện pháp hạn chế xuất khẩu. Muốn xuất khẩu vào EU, các doanh nghiệp không còn cách nào khác là phải đáp ứng những đòi hỏi mới đó.

*Hai là*, hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sẽ phải cạnh tranh gay gắt và khốc liệt hơn với hàng thủy sản tại chỗ của các nước mới gia nhập EU và các hàng thủy sản của các công ty xuất khẩu thủy sản mạnh và nhiều kinh nghiệm ngoài EU trong việc xuất khẩu, tìm chỗ đứng và duy trì thị phần tại EU.

*Ba là*, ảnh hưởng xấu của khủng hoảng nợ công của các nước EU đến nhiều nền kinh tế nhỏ hơn trong khu vực làm giảm sút nhu cầu nhập khẩu thủy sản ở thị trường EU. Thực trạng này đã tác động không nhỏ đến hoạt động xuất khẩu thủy sản của các nước sang EU.

## 2.2. Những yêu cầu đặt ra cho xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang EU

Ngoài việc tạo ra những cơ hội cùng thách thức, FTA Việt Nam - EU cũng đặt ra những yêu cầu khắt khe cần thực hiện cho các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam nói chung, và xuất khẩu thủy sản sang EU nói riêng.

*Thứ nhất*, đòi hỏi các cấp từ hoạch định chính sách đến các doanh nghiệp, các chính quyền địa phương và cả các cá nhân tham gia hoạt động nuôi trồng, kinh bắt, chế biến và xuất khẩu thủy sản phải thay đổi nhận

thức. Các doanh nghiệp đã bước vào một sân chơi khác, rộng hơn, có tính cạnh tranh hơn, do đó muốn tồn tại, các doanh nghiệp cần phải có suy nghĩ khác, ứng xử khác và nâng cao ý thức, trách nhiệm, công nghệ cho người nuôi khi sử dụng hóa chất trong ngưỡng an toàn, đây cũng là gốc của việc xuất khẩu đối với chuỗi giá trị thủy sản.

*Thứ hai*, phải xác định, FTA Việt Nam - EU là tiền đề chơi một sân chơi chung với các nước khác, nên Nhà Nước và các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam cần phải có những đổi mới và cải cách toàn diện và căn bản để thích ứng từ mọi khâu sản xuất và kinh doanh, từ mẫu mã đến tiếp thị sản phẩm, từ cung cách quản lý đến đáp ứng tiêu chuẩn của thị trường,...

*Thứ ba*, FTA Việt Nam - EU cũng đồng nghĩa với việc tham gia vào cuộc cạnh tranh liên tục, lâu dài và ngày càng khốc liệt, do đó, việc nâng cao năng lực cạnh tranh của các hàng hoá và doanh nghiệp để tồn tại và phát triển phải được xác định là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài, liên tục và căn bản của mọi ngành, mọi cấp. Tuy vậy, trong cuộc cạnh tranh đó, muốn tồn tại, các doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu Việt Nam phải biết hợp tác chặt chẽ lẫn nhau dưới sự điều hành hợp lý của Nhà Nước, vì một mục tiêu chung.

*Thứ tư*, trong cuộc chơi này, các doanh nghiệp thủy sản cần xác định cho mình lĩnh chủ động và tự lực cao, luôn năng động và sáng tạo, thay vì thụ động, y lại vào sự bảo hộ của chính phủ.

Tóm lại, xuất khẩu thủy sản vẫn được coi là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Càng phát triển, càng tham gia cạnh tranh và hội nhập quốc tế, doanh nghiệp càng chịu áp lực nặng nề hơn. Đặc biệt khi FTA Việt Nam - EU có hiệu lực, hàng thủy sản Việt Nam càng có khả năng tiếp cận thị trường EU rộng lớn nhưng doanh nghiệp phải chịu nhiều áp lực do các hàng rào phi thuế quan đặt ra. Các nước nhập khẩu đều thực hiện các chính sách trợ giá tinh vi cho sản xuất trong nước, bên cạnh việc dựng lên các rào cản thương mại, kỹ thuật, với yêu cầu ngày càng cao, nhiều quy định phi thực tế, đi ngược tinh thần tự do thương mại. Đó là thách thức tất yếu và ngày càng khó khăn mà các doanh nghiệp phải chấp nhận và vượt qua. Trong quá trình thâm nhập vào thị trường EU, các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản Việt Nam ngày càng vững vàng hơn, đúc kết được nhiều kinh nghiệm, khắc phục được nhiều hạn chế, song vẫn còn rất nhiều những tồn tại, bất cập mà các doanh nghiệp cần phải khắc phục.

### Tài liệu tham khảo chính

1. Đỗ Đức Bình và Bùi Huy Nhung (đồng chủ biên) (2006), *Đáp ứng rào cản phi thuế quan để đẩy mạnh xuất khẩu bền vững hàng thủy sản Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia.

2. Phạm Thị Thanh Bình & Lê Minh Tâm (2010), *Thị trường nhập khẩu thủy sản EU: Tình hình và đặc điểm*, Tạp chí Phát triển kinh tế, số 241, tháng 11/2010), tr.17-22.

3. Bộ NN & PTNN (T10/2009), *Chiến lược phát triển Nông nghiệp Nông thôn giai đoạn 2011 - 2020*, Hà Nội.

4. Lê Minh Tâm (2010), *Xuất khẩu thủy sản sang châu Âu: Thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới, số 8 (172), tr.58-65.

5. Lê Minh Tâm (2012), *Xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang EU*, Tạp chí Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới, số 7 (195), tr.53-62.

6. Nguyễn Quang Thuần (2009), *Quan hệ kinh tế Việt Nam - Liên minh Châu Âu: Thực trạng và triển vọng* (Sách chuyên khảo), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

7. Bùi Đức Tuấn (2010), *Nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành chế biến thủy sản Việt Nam*, Luận án tiến sĩ kinh tế: Mã số 62.31.05.01, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

8. Đinh Công Tuấn (2011), *Quan hệ kinh tế Việt Nam - EU năm 2010: điểm tựa cho các năm tới*, Tạp chí Cộng sản điện tử, số 3 (219).

9. Trang web Cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản (Nafiqad). <http://www.nafiqad.gov.vn>

10. Trang web Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP). <http://www.vasep.com.vn>

11. Trang thông tin điện tử của Vụ Ngoại thương, Ủy ban Châu Âu. <http://exporthelp.Europa.eu>

12. Trang web Trung tâm Thông tin và Dự báo kinh tế xã hội quốc gia, <http://www.ncseif.gov.vn>

13. Trang web Cổng thông tin WTO và Hội nhập, <http://www.trungtamwto.vn/>